



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN LINH TANH
Last Middle First

Current Address: 45/95 Nguyen-Van-Dau-P6 Binh Thuan Hanoi

Date of Birth: 08-25-1933 Place of Birth: Quang-Nam

Previous Occupation (before 1975) LT. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04-30-75 To 09-21-1984
Years: 08 Months: 07 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN THU HA</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN KIM THUY	1934	wife

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hồ sơ: NGUYEN MINH TANH

Đã làm. Trưng. Tà

Số. quân 53-125557

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

Date : December 12 1988

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM :

1. Full name of Ex-Political Prisoner: NGUYỄN MINH TÁNH
2. Other name : None
3. Date/Place of Birth: AUG 25, 1933 - RACH GIA.
4. POSITION, Rank (Before 4/75). Military Serial Number :
Lt/Colonel - 53/125,557.
5. Month, date, year arrested: Ap 30, 1975.
6. Month, date, year out camp: Sept 21, 1984.
7. Photocopy of Release Certificate: 1 copy.
8. Present mailing address of Ex-Political Prisoner :
NGUYEN THU HA
9. Present residing address:
45/95 Nguyen Văn Đâu P6, Bình Thạnh Hồ Chí Minh City Vietnam.

II. LIST FULL NAME - DATE OF BIRTH - PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND FATHER, MOTHER.

- A. Relatives to accompany with Ex-Political Prisoner to be considered for U.S. country :

Name : Date/Place of Birth : Sex : MS : Relationship

NGUYEN KIM THUY : Jun 19, 1934 Rach Gia: F : M : Wife

- B. Complete Family Listing (living) (dead) of Ex-Political Prisoner:

1. Father : Nguyễn Thành Báu (dead)
2. Mother : Vương Kim Liêng.
3. Spouse : Nguyễn Kim Thuy.
4. Former spouse : None.
5. Children : None.
6. Siblings :
 - (1) Nguyen Kiem Phung, sister.
 - (2) Nguyen Kim Hoang, sister.
 - (3) Nguyen Thanh Long, brother.
 - (4) Nguyen The Vân, sister.
 - (5) Nguyen Thanh Qui (dead).
 - (6) Nguyen Thanh Tâm (dead).
 - (7) Nguyen Thanh Danh (dead).
 - (8) Nguyen Le Tien (dead).
 - (9) Nguyen Thanh Lan, brother.
 - (10) Nguyen Thanh Than (dead).
 - (11) NGUYEN THU HA.

III. RELATIVES OUTSIDE VIET NAM :

1. Closest Relatives in the U.S. :

Of Me :

NGUYEN THU HA,

Of My spouse :

:
:

IV. OVERSEA TRAINING PAID BY U.S. GOVERNMENT :

THE ASSOCIATE ARMOR OFFICER CAREER COURSE # 2 (AAOC # 2)
Fiscal Year 1964-1965 at FORT KNOX Kentucky USA.

V. U.S. AWARDS AND DECORATIONS :

US ARMY BRONZE STAR WITH 'V' DEVICE Presented by Gen. ABRAMS
on Aug 28, 1968 at the battlefield.

VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION
UNTIL NOW, THE APPLICATION : Yes but No reply.

VII. COMMENTS - REMARKS :

I lost all my personal documents (including my AAOC Diploma and
my Bronze Star Decision) when the NVA overrun the South VietNam.

VIII. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

1. One copy of Release Certificate.
2. The 2 Birth Certificates of myself and my wife.
3. The pre- and post-75 ID Cards of myself and my wife.
4. 2 Photographs of myself and my wife./.
5. Marriage certificate.


Signature

NGUYEN MINH TANH

HỘI NỘI VỤ

Trại Tân Tân

Số

CR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 1-QLTĐ, Ban
tập theo công văn số
1200 ngày 27 tháng 11
năm 1984



GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 66/BCA-TT ngày 30/5/84 của Bộ Nội vụ.

Thực hiện án văn, quyết định của số 32 ngày 20 tháng 08 năm 1984.

Của bộ nội vụ

Nay cấp giấy ra cho anh, chị có tên sau đây

Họ, tên khai sinh NGUYỄN MINH TÍNH

Sinh năm 1933

Các tên gọi khác

Nơi sinh Kiên Giang

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị: 45/95 ngõ Tùng Châu Bình Thạnh
T/P HC CHÍ MINH.

Cán tại 32/18/18 Trung tá thất công trường.

Bị bắt ngày 30/05/75

Án phạt TCC

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 45/95 ngõ Tùng Châu, Bình Thạnh T/P HC CHÍ MINH.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu
sự giáo dục của Anh mạng.

Lao động: tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nội quy: chấp hành nghiêm không vi phạm gì lớn.

Học tập: tham gia đều nhận thức chuyển biến khá
(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường: Nơi trú quán.

Trước ngày tháng năm 19

Lưu tại ngân trù

Của Nguyễn Minh Tính

Danh họ

Lưu tại

Họ tên, chữ

người được cấp

Ngày tháng 9 năm 1984

P. Giám thị

NGUYỄN MINH TÍNH

Đại úy: Trịnh Đức Tỷ

Liê nhân
Ô: 19. Minh Tâi có trấ
điêu tậ công rố.

Rố, ngày 22/0/84.

Ph. CP.



Nguyễn Văn Long

BỘ QUỐC - PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số: 009302



Họ và Tên: NGUYỄN-MINH-TÁNH

Cấp bậc: Trung-Tá

Số quân: 53/125.557

Loại máu: AB RH +

MÀU

QD-R49

10.66. TTALAP. O. 2584

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02035832

Họ tên: NGUYỄN KIM THỦY

Sinh ngày: 19-6-1934

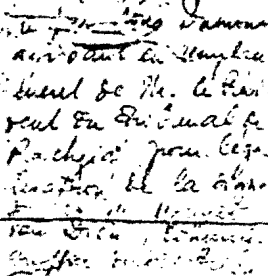
Nguyên quán: Kiên-Giang.

Nơi thường trú: 45/95 Ngõ-T-Châu,
Bình-Thạnh, P. Hồ Chí Minh.



(1)

Sapb



¹ (1) Lê chưa đề xuất
lược biên án tòa cầu
giấy khai sách lại.

Nom et prenom de l'enfant.....	Hàng Văn Hùng
Tên họ của con nít.....	Hàng Văn Hùng
Son sexe.....	Con trai
Nam, nữ.....	Con trai
Date de naissance.....	2 Dec 1951
Sinh ngày nào.....	2 Dec 1951
Lieu de naissance.....	Hà Nội
Sinh tại chỗ nào.....	Hà Nội
Nom et prenom de son père (premier Enfant des deux mariés, le nom de la mère d'être noté sous indicatif).....	Nguyễn Văn Thọ
Tên họ cha (con sinh không phải con kế tên họ mẹ mà thôi).....	Nguyễn Văn Thọ
Sa profession.....	prostituteur
Chia làm nghề gì.....	prostituteur
Son domicile.....	Haichia - ville
Nhà của ở đâu.....	Haichia - ville
Nom et prenom de sa mère.....	Bà Thị Loan
Tên họ mẹ.....	Bà Thị Loan
Sa profession.....	Prostituteur
Chia làm nghề gì.....	Prostituteur
Son domicile.....	Haichia - ville
Nhà của ở đâu.....	Haichia - ville
Nom et prenom de sa femme.....	Thị Loan Thị Loan
Vợ chính huy là vợ thứ.....	Thị Loan Thị Loan
Nom et prenom du declarant.....	Nguyễn Văn Thọ
Tên họ người khai.....	Nguyễn Văn Thọ
Son âge.....	30 ans
Mấy tuổi.....	30 ans
Sa profession.....	prostituteur
Chia làm nghề gì.....	prostituteur
Nom et prenom du 1 ^{er} témoin.....	Nguyễn Văn Thọ
Tên họ người chứng thứ nhất.....	Nguyễn Văn Thọ
Son âge.....	30 ans
Mấy tuổi.....	30 ans
Sa profession.....	prostituteur
Chia làm nghề gì.....	prostituteur
Son domicile.....	Haichia - ville
Nhà của ở đâu.....	Haichia - ville
Nom et prenom du 2 ^e témoin.....	Nguyễn Văn Thọ
Tên họ người chứng thứ hai.....	Nguyễn Văn Thọ
Son âge.....	30 ans
Mấy tuổi.....	30 ans
Sa profession.....	prostituteur
Chia làm nghề gì.....	prostituteur
Son domicile.....	Haichia - ville
Nhà của ở đâu.....	Haichia - ville

Agua potable

L'Officier de l'état-civil

— 1000 1000 1000

Les Termes

Lee ngan ching.
James H. Lee

Our extract before
ready is in 12 letters
P. H. J. H.

Phải biết:— Chó trắng không dùng tại thị trấn, kéo một cái.

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

Date : December 12 1988

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM :

1. Full name of Ex-Political Prisoner: NGUYỄN MINH TÁNH
2. Other name : None
3. Date/Place of Birth: AUG 25, 1933 - RACH GIA.
4. POSITION, Rank (Before 4/75). Military Serial Number : Lt/Colonel - 53/125,557.
5. Month, date, year arrested: Ap 30, 1975.
6. Month, date, year out camp: Sept 21, 1984.
7. Photocopy of Release Certificate: 1 copy.
8. Present mailing address of Ex-Political Prisoner : NGUYEN THU HA 6724 Winding Creek Dr., SAN DIEGO CA 92119 USA.
9. Present residing address: 45/95 Nguyen Văn Đẩu P6, Bình Thạnh Hồ Chí Minh City Vietnam.

II. LIST FULL NAME - DATE OF BIRTH - PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND FATHER, MOTHER.

- A. Relatives to accompany with Ex-Political Prisoner to be considered for U.S. country :

<u>Name</u>	<u>Date/Place of Birth</u>	<u>Sex</u>	<u>MS</u>	<u>Relationship</u>
NGUYEN KIM THUY	: Jun 19, 1934 Rach Gia	: F	: M	: Wife

- B. Complete Family Listing (living)dead) of Ex-Political Prisoner:

1. Father : Nguyễn Thành Báu (dead)
2. Mother : Vương Kim Liêng.
3. Spouse : Nguyễn Kim Thuy.
4. Former spouse : None.
5. Children : None.
6. Siblings :
 - (1) Nguyen Kiem Phung, sister.
 - (2) Nguyen Kim Hoang, sister.
 - (3) Nguyen Thanh Long, brother.
 - (4) Nguyen The Vân, sister.
 - (5) Nguyen Thanh Qui (dead).
 - (6) Nguyen Thanh Tâm (dead).
 - (7) Nguyen Thanh Danh (dead).
 - (8) Nguyen Le Tien (dead).
 - (9) Nguyen Thanh Lan, brother.
 - (10) Nguyen Thanh Than (dead).
 - (11) NGUYEN THU HA.

III. RELATIVES OUTSIDE VIET NAM :

1. Closest Relatives in the U.S. :

<u>Of Me</u> :	<u>Of My spouse</u> :
NGUYEN THU HA,	

IV. OVERSEA TRAINING PAID BY U.S. GOVERNMENT :

THE ASSOCIATE ARMOR OFFICER CAREER COURSE # 2 (AAOC # 2)
Fiscal Year 1964-1965 at FORT KNOX Kentucky USA.

V. U.S. AWARDS AND DECORATIONS :

US ARMY BRONZE STAR WITH 'V' DEVICE Presented by Gen. ABRAMS
on Aug 28, 1968 at the battlefield.

VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION
UNTIL NOW, THE APPLICATION : Yes but No reply.

VII. COMMENTS - REMARKS :

I lost all my personal documents (including my AAOC Diploma and
my Bronze Star Decision) when the NVA overrun the South VietNam.

VIII. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

1. One copy of Release Certificate.
2. The 2 Birth Certificates of myself and my wife.
3. The pre- and post-75 ID Cards of myself and my wife.
4. 2 Photographs of myself and my wife./.
5. Marriage certificate.


Signature

NGUYEN MINH THANH

BỘ QUỐC - PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN - CUỘC QUÂN - NHÂN
Số : 004302
Họ và Tên : NGUYỄN - MINH - TẤN
Cấp bậc : Trung-Tá
Số quân : 53/125.557
Loại máu : AB RH +
Mẫu QĐ - 849 10.66. TTALAP. Q. 2588

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số 020335832
Họ tên NGUYỄN KIM THỦY
Sinh ngày 19-6-1934
Nguyên quán Kiên-Giang
Nơi thường trú 45/95 Ngô-I-Châu,
Bình-Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên Chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGƯỜI TRỎ THAI		Sẹo chàm cách 3cm dưới sau đuôi mắt trái.	
		Ngày 27 tháng 3 năm 1979 T. LƯU GIỮ VÀO SÁCH TRƯỞNG TY CÔNG AN PHẠM VĂN CÔNG AN Q. BÌNH THẠNH !  Phạm Văn Đức	
NGƯỜI TRỞ PHẢI			

 	Sinh ngày : <u>25.08.1933</u> Tại : <u>Rạch-Giã</u> Con của Ông <u>Nguyễn-Thành-Bá</u> và Bà <u>Viếng-Kim-Liêng</u> <u>KBC. 4125</u> ngày <u>1.10.70</u>	
* Ai mượn được Thẻ này xin chuyển đến KBC thị trấn.		

HỘI NỘI VỤ
Trại Điền Tân
Số GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01-QLT/TC, Ban
hành theo công văn số
1263/CTN-27 tháng 11
năm 1983



CÔNG ANH
ĐÃ TẠM
3254/213
26 2 4

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 66-BCA, TT ngày 5/5/84 của Bộ Nội vụ.

Thi hành án văn, quyết định tha số 31 ngày 28 tháng 08 năm 1984

của ĐỘI NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây

Họ, tên khai sinh NGUYỄN MINH TÍNH

Sinh năm 1933

Các tên gọi khác

Nơi sinh Điện Biên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị 42/95 ngò rừng châu bình thành
T/Đ HO CHI MINH.

Cán tại ĐI/ĐH/18 Trung tá thất hoàn trưởng.

Bị bắt ngày 30/05/75 An phạt TRC

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tước án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 42/95 ngò rừng châu bình thành T/Đ HO CHI MINH.

Nhận xét quá trình cải tạo

Như tường: qua trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu
sự giáo dục của lãnh đạo.

Lao động: tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nội quy: chấp hành nghiêm chỉnh các phần gì lớn.

Học tập: tham gia đều nhà thức chuyện biên khê
(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường: Nơi trú quán.

Trước ngày tháng năm 19

Lưu tại ngò rừng
của Nguyễn Minh Tính

Ký tên cho
người được cấp

Ngày tháng 9 năm 1984

P. Giám thị

NGUYỄN MINH TÍNH

[Signature]

Đại úy: Trịnh Đức Tỷ



Kính nhàn:
Ô: Hq. Minh Tải có trót
đi tu công An.
Rt, ngày 22/5/84.



Đ. C.
[Signature]
Vũ Long